

Số: 153 /KH-SKH&CN

Tiền Giang, ngày 20 tháng 6 năm 2014

KẾ HOẠCH
Hoạt động khoa học và công nghệ năm 2015

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN CỦA TỈNH

I. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách về KH&CN:

1. Thuận lợi:

Nhìn chung, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực KH&CN đã được ban hành tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý nhà nước về KH&CN ở địa phương; Cơ chế tài chính cho phát triển KH&CN được đổi mới thông qua Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia và các Quỹ Phát triển KH&CN của các bộ, ngành, địa phương. Mô hình Quỹ Phát triển KH&CN thực chất là mô hình quản lý và sử dụng ngân sách tiên tiến. Mô hình Quỹ cho phép quản lý và sử dụng kinh phí theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng, không dùng quản lý hành chính, thanh quyết toán theo năm kế hoạch, vừa phức tạp, vừa nhiều văn bản giấy tờ, vừa tốn kém ngân sách nhà nước (chi phí quyết toán hàng năm), chiếm quá nhiều thời gian, công sức của nhà khoa học và cả nhà quản lý; Góp phần tạo hành lang pháp lý trong quản lý KH&CN theo thông lệ quốc tế, tạo môi trường thông thoáng, minh bạch, công bằng, lành mạnh để các nhà khoa học sáng tạo và nghiên cứu, nhanh chóng đưa kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

2. Khó khăn:

- Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật KH&CN đã có hiệu lực thi hành, tuy nhiên cần phải hoàn thiện, hướng dẫn cụ thể hóa một số Điều, Khoản trong Luật và Nghị định mới thực hiện được thuận lợi.

- Cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản pháp luật có liên quan đến cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập trong lĩnh vực tài chính, thuế, đất đai, công chức viên chức,... để tạo sự thống nhất và đồng bộ trong hệ thống các quy định của nhà nước trong việc thực hiện cơ chế tự chủ. Luật KH&CN (sửa đổi) có nhiều quy định mới về các nội dung này nhưng Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN thì không đề cập tới, trong khi các quy định có liên quan trước đây thì không phù hợp.

- Thực hiện Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường, gặp một số khó khăn như sau:

Tại Điều 7 của Thông tư (*công bố tiêu chuẩn áp dụng và ghi nhãn đối với vàng trang sức, mỹ nghệ*) sẽ gặp khó khăn khi công bố về hàm lượng vàng (tuổi vàng), vì hiện nay Tổng cục chưa công bố danh sách các tổ chức được chỉ định thử nghiệm xác định hàm lượng vàng nhằm phục vụ yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh và cơ quan thực hiện thanh, kiểm tra xử lý vi phạm liên quan về chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ.

- **Nghị định 115/2005/NĐ-CP:** Cơ chế được quy định chưa đồng bộ với các văn bản pháp luật khác như công chức, viên chức, đất đai; Quyền tự chủ tổ chức của các đơn vị và người đứng đầu cơ quan chưa triệt để, còn nhiều vướng mắc; Quyền tự chủ về tài chính còn nhiều hạn chế; Nguồn vốn vay sử dụng đất đai, tài sản còn chưa được chủ động; Tự chủ về nhiệm vụ còn rất lúng túng.

II. Đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động KH&CN:

1. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước:
Không có.

2. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở:

Thời gian qua hoạt động nghiên cứu triển khai khoa học công nghệ của tỉnh đã tập trung đầu tư nhiều các chương trình phát triển toàn diện các cây ăn trái chủ lực, các đề tài nghiên cứu, dự án sản xuất thử nghiệm tạo vùng nguyên liệu, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên nền đất lúa hay những vùng canh tác kém hiệu quả. Các đề tài, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển giao công nghệ được thực hiện tốt và có những kết quả đáng ghi nhận.

Từ năm 2007, các chương trình khoa học công nghệ phát triển toàn diện các loại cây ăn trái chủ lực của tỉnh (Vú sữa Lò rèn, Sori Gò Công, Thanh long Chợ Gạo, Khóm Tân Lập, Xoài cát Hòa Lộc,...) đã được triển khai nhằm tập trung nguồn lực hỗ trợ phát triển toàn diện cho từng đối tượng cây ăn trái chủ lực đạt hiệu quả cao nhất. Các giai đoạn được xây dựng khá chặt chẽ, từ việc điều tra xác định vùng trồng; hỗ trợ giống; kỹ thuật trồng mới; kỹ thuật chăm sóc, thu hoạch, bảo vệ thực vật, bảo quản chế biến sau thu hoạch; áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và GLOABALG.A.P đến việc hình thành phát triển HTX sản xuất, tiêu thụ và đăng ký quảng bá thương hiệu; quảng cáo tiếp thị sản phẩm,... Đồng thời, cơ sở hạ tầng của vùng dự án cũng được ưu tiên đầu tư như bến bãi, đường giao thông vận chuyển hàng hóa; hệ thống thủy lợi tưới, tiêu cho vùng sản xuất; kho bảo quản; nhà sơ chế, đóng gói,...

Hiện nay hướng nghiên cứu triển khai các nhiệm vụ khoa học tập trung phục vụ cho các chương trình, kế hoạch lớn của tỉnh như phục vụ kế hoạch 82/KH-UBND tỉnh về công nghệ sinh học và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hướng an toàn thực phẩm, sản xuất sạch hơn.

3. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn sự nghiệp KH&CN để tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp: Không có

4. Đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước:

4.1. Công tác tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND và UBND ban hành văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động KH&CN:

Tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản sau:

TT	Tên văn bản	Cơ quan ban hành	Ghi chú
01	Xây dựng và áp dụng TCVN ISO 9001: 2008 vào các cơ quan hành chính nhằm thực hiện Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 10/01/2013 của UBND tỉnh phân công các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tổ chức thực hiện đề án “Xác định chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”	UBND tỉnh	Công văn số 961/UBND-CN ngày 13/3/2013
02	Thực hiện Nghị quyết 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 và Chương trình 34-CTr/TU ngày 19/02/2013 về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH trong điều kiện KT thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế	UBND tỉnh	159/KH-UBND 11/10/2013
03	Quyết định quy định về quản lý và hỗ trợ triển khai nhiệm vụ KH&CN không sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh TG	UBND tỉnh	số 2452/QĐ-UBND 14/10/2013
04	Thành lập Ban điều hành Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Tiền Giang đến năm 2020	UBND tỉnh	số 802/QĐ-UBND ngày 10/4/2014

4.2. Hoạt động Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, TBT:

2.2.1. Công tác quản lý tiêu chuẩn chất lượng:

- Tiếp nhận 02 hồ sơ công bố hợp chuẩn (sản phẩm: gạch rỗng đất sét nung và gạch đặc đất sét nung) và 01 hồ sơ công bố hợp quy (sản phẩm đồ chơi trẻ em, loại đồ gỗ).

- Tổ chức 02 khóa tập huấn đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 cho 29 cơ quan HCNN với 153 người tham dự; 07 lớp tập huấn về tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 và hướng dẫn biên soạn tài liệu HTQLCL cho các cơ quan HCNN của tỉnh với 140 lượt người tham dự; Hướng dẫn 35 cơ quan HCNN triển khai xây dựng, áp dụng

và mở rộng phạm vi áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008 tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, trong đó có 07 cơ quan được đánh giá chứng nhận; Tổ chức kiểm tra tình hình áp dụng.

- Triển khai hoạt động Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (GTCLQG), kết quả có 04 doanh nghiệp tham dự, có 02 doanh nghiệp đạt giải bạc.

Đã hỗ trợ cho 03 đơn vị áp dụng, xây dựng HTQLCL; Tổ chức tập huấn GTCLQG cho các doanh nghiệp, thành viên Hội đồng sơ tuyển với 45 lượt người tham dự;

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Công văn số 584/UBND-CN ngày 06/02/2013 về phê duyệt kế hoạch kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông năm 2013; tổ chức kiểm tra chất lượng và ghi nhãn hàng hóa lưu thông trên thị trường 24 cơ sở (xăng dầu, thiết bị điện, điện tử và mũ bảo hiểm). Kết quả: nhãn hàng hóa: 153/ 153 sản phẩm ghi nhãn đúng quy định; Lấy 16 mẫu kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng: xăng Ron 92 đạt 10/11, dây điện bọc nhựa PVC đạt 04/04 (có điện áp danh định đến và bằng 450/750V), ấm đun nước nóng siêu tốc đạt 01/01. Đã thông báo kết quả thử nghiệm chất lượng không đạt cho cơ sở để khắc phục.

- Tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành 127/TG, Đội Quản lý thị trường (QLTT) số 3, Đoàn thanh tra Sở KH&CN kiểm tra 249 cơ sở kinh doanh: xăng dầu, vật liệu xây dựng, khí dầu mỏ hóa lỏng, thiết bị điện, điện tử, mũ bảo hiểm, đồ chơi trẻ em. Kết quả: Đo lường: Hiệu lực kiểm định đạt: 229/231 cột đo nhiên liệu, 01/01 cân bàn, 6/6 đồng hồ xăng dầu, 02/02 tàu dầu, 10/10 xitec ô tô; Kiểm tra đo lường đạt 181/183 cột đo nhiên liệu; Kiểm tra định lượng hàng đóng gói sẵn: 07/07 sản phẩm đạt yêu cầu; Kiểm tra nhãn hàng hóa: 5.221/5.681 sản phẩm ghi nhãn đúng quy định; Kiểm tra tem CR: 417/417 sản phẩm có gắn dấu hợp quy CR; Lấy 35 mẫu hàng hóa kiểm tra chất lượng: gạch men đạt 02/02; sơn nước 01/01; xi măng đạt 01/01; mũ bảo hiểm đạt 05/07; xăng 92, 95 đạt 16/16; 01 dầu nhớt; 03 thép làm cốt bê tông, đồ chơi trẻ em đạt 02/04; không đạt 02 mẫu đồ chơi trẻ em (có chứa chất độc hại phthalates); ban hành 11 Thông báo tạm dừng lưu thông hàng hóa đối với các cơ sở vi phạm về việc ghi nhãn hàng hóa; đến nay các cơ sở đã thực hiện các hành động khắc phục về việc vi phạm nhãn hàng hóa.

- Tham gia Đoàn thanh tra của Tổng cục TCĐLCL thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về đo lường tại Công ty Điện lực Tiền Giang. Kết quả như sau: Công ty Điện lực Tiền Giang thực hiện đúng quy định pháp luật trong hoạt động kiểm định phương tiện đo và chưa thực hiện đầy đủ quy định trong sử dụng phương tiện đo (kiểm tra thực tế tại Điện lực Gò Công Tây, còn 44 công tơ điện 1 pha đã hết hạn kiểm định).

- Kiểm tra về đo lường 2 đơn vị cung cấp nước. Kết quả: các đơn vị cung cấp nước đã thực hiện kiểm định ban đầu đồng hồ nước lạnh (ĐHNL) đầy đủ trước khi lắp đặt đưa vào sử dụng theo đúng quy định. Tuy nhiên chưa thực hiện kiểm định định kỳ ĐHNL trong sử dụng.

- Tham gia thanh tra 23 cơ sở y tế sử dụng PTĐ, có 8 cơ sở y tế không thực hiện kiểm định, kết quả: có 28 điện tim không kiểm định/120 điện tim; 122 huyết áp kế không kiểm định/477 huyết áp kế; 06/51 áp kế không kiểm định;

- Tham gia đoàn kiểm tra về đo lường (đối với PTĐ cân thông dụng) địa bàn huyện Chợ Gạo. Kết quả: kiểm tra 205 cơ sở sản xuất, kinh doanh, có 44 cơ sở vi phạm (tem kiểm định cân hết hiệu lực), đề xuất xử lý 18 cơ sở theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp Thanh tra Sở KH&CN, Chi cục QLTT kiểm tra đột xuất DNTN Tân Phú (cơ sở 2), Tân Hương, Châu Thành, Tiền Giang (theo phản ánh của người dân). Kết quả: kiểm tra phép đo đạt 03/06 cột đo; trong đó 03 cột đo dầu DO không đạt yêu cầu (có sai số phép đo lần lượt là + 1,2 %; + 1,8 % và + 2,4 %). Ngoài ra cơ sở tự ý bút niêm chỉ bộ chỉ thị cột đo dầu nêu trên. Đoàn đã lập biên bản chuyển Thanh tra Sở KH&CN xử lý theo quy định (phạt vi phạm hành chính 6.000.000 đồng).

- Tham gia đoàn kiểm tra nhà nước về đo lường (đối với PTĐ cân thông dụng) địa bàn huyện Chợ Gạo. Kết quả: kiểm tra 463 cơ sở sản xuất, kinh doanh, có 86 cơ sở vi phạm (tem kiểm định cân hết hiệu lực - chiếm tỉ lệ 18,6 %), đề xuất xử lý 34 cơ sở theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp Thanh tra Sở KH&CN, Chi cục Quản lý thị trường (QLTT) kiểm tra đột xuất DNTN Tân Phú (cơ sở 2), (theo phản ánh của người dân). Kết quả: kiểm tra phép đo đạt 3/6 cột đo; trong đó 03 cột đo dầu DO không đạt yêu cầu (có sai số phép đo lần lượt là + 1,2 %; + 1,8 % và + 2,4 %). Ngoài ra cơ sở tự ý bút niêm chỉ bộ chỉ thị cột đo dầu nêu trên. Đoàn đã lập biên bản chuyển Thanh tra Sở KH&CN xử lý theo quy định.

2.2.2. Công tác quản lý đo lường:

Tổ chức triển khai kiểm định hàng năm các loại PTĐ trong phạm vi được chỉ định trên địa bàn đảm bảo chính xác về cân đong đo đếm nhằm phục vụ yêu cầu của sản xuất, kinh doanh tại địa phương. Kết quả thực hiện kiểm định

+ Năm 2013 : 32.105 lượt PTĐ, đạt 114,7 % kế hoạch.

+ Năm 2014 (6 tháng đầu năm): 17.253 PTĐ, đạt 57,5 % kế hoạch.

2.2.3. Hoạt động TBT:

Đối với Đề án thực thi Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Đề án TBT) giai đoạn 2011 – 2015, tỉnh Tiền Giang thực hiện theo Chương trình hành động triển khai Đề án TBT giai đoạn 2011 – 2015. Thời gian qua, Sở KH&CN cùng với Sở Công Thương đã thực hiện các nội dung sau:

- Tổ chức kiểm tra, kiểm soát hàng hóa lưu thông trên thị trường, ngăn chặn hàng hoá nhập khẩu kém chất lượng, không phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, không rõ nguồn gốc, xuất xứ lưu thông trên địa bàn tỉnh; Tiếp tục triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các biện pháp kỹ thuật thông qua các chương trình, dự án thúc đẩy NSCL; Cung cấp thông tin cảnh báo về rào cản kỹ thuật trong thương mại cho các doanh nghiệp xuất khẩu thông qua việc phát hành bản tin TBT định kỳ hàng tháng gửi tới 130 tổ chức và doanh nghiệp trong tỉnh

nhằm cung cấp thông tin về các quy định kỹ thuật và những nội dung liên quan của Việt Nam và các thị trường xuất khẩu; thông qua việc duy trì website <http://tiengiang.tbvtvn.org> và cập nhật tất cả các tin cảnh báo của các nước thành viên WTO đã công bố, cập nhật các quy chuẩn kỹ thuật và văn bản pháp quy kỹ thuật của Việt Nam mới ban hành, cập nhật 230 tin tức có liên quan đến TBT.

2.2.4. Công tác khác:

- Triển khai Luật Đo lường, Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường đến các Sở ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện; Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường và CLSPHH và triển khai Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ KH&CN quy định về đo lường đối với PTĐ nhóm 2;

- Phối hợp Ngân hàng nhà nước chi nhánh Tiền Giang tổ chức Hội nghị triển khai Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng và Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường. Kết quả có 250 người tham dự;

- Tổ chức tập huấn tuyên truyền văn bản quy phạm pháp luật về mũ bảo hiểm sử dụng cho người đi mô tô, xe gắn máy tại các huyện/thị/thành và phát hành 48.200 tờ rơi về mũ bảo hiểm, phát hành 10.000 tờ rơi nội dung quy định về đo lường và xử phạt vi phạm đo lường.

- Tổ chức 01 cuộc tọa đàm với chủ đề “Quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường quy định về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường” phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang.

(Phụ lục 1, Biểu TK5 : CV-168)

4.3. Hoạt động An toàn bức xạ hạt nhân, quản lý công nghệ:

- Hướng dẫn lập hồ sơ cấp giấy phép sử dụng thiết bị X-quang: 12 cơ sở; Thẩm định cấp Giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán: 28 cơ sở; Cấp Giấy phép nhân viên bức xạ: 06 hồ sơ; Tham gia đoàn thanh tra về ATBX- Thiết bị y tế: 50 cơ sở; Xây dựng kế hoạch phối hợp với Trung Tâm Hạt Nhân TP.Hồ Chí Minh điều tra phóng xạ năm 2013, kế hoạch ứng phó sự cố.

- Tổ chức họp tư vấn thẩm tra 10 dự án; Thẩm định thiết bị công nghệ 16 hồ sơ; Hoạt động tư vấn đấu thầu: tham gia mời thầu 10 hồ sơ; Thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư 11 hồ sơ; Góp ý kiến về chủ trương đầu tư 06 dự án; Xây dựng kế hoạch và tổ chức hội thảo “Phát triển Doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh Tiền Giang”.

4.4. Về hoạt động sở hữu trí tuệ, phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật:

- Công tác hỗ trợ xác lập quyền các đối tượng SHTT cho các cơ sở, doanh nghiệp: 88 đối tượng SHCN (84 nhãn hiệu, 01 KDCN, 03 sáng chế/giải pháp hữu ích). Trong đó có 60 văn bằng bảo hộ được cấp; Trình UBND tỉnh phê duyệt bổ sung kế hoạch hoạt động hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp tỉnh Tiền Giang giai đoạn năm 2011- 2015 cho các đối tượng tập thể đăng ký quốc tế; Trình dự án Quản lý và phát triển NHTT: Thanh Long Chợ Gạo, sầu riêng Ngũ Hiệp; Hướng dẫn, hỗ trợ pháp lý; Hoàn chỉnh hồ sơ Chỉ dẫn địa lý vú sữa Lò rèn Vĩnh Kim; Xây dựng kế hoạch Chương trình MUTRAP (Bộ Công thương - Cục SHTT) về việc triển khai công tác đăng ký quốc tế xoài cát Hòa Lộc vào Cộng đồng Châu Âu; Hoàn chỉnh dự án Quản bá và phát triển NHTT Chợ Gạo cho sản phẩm Thanh Long, hỗ trợ xúc tiến thương mại; Hoàn tất, nhận Quyết định hợp lệ các hồ sơ đăng bạ NHCN, NHTT: Yên sào Gò Công, Mãng cầu xiêm Tân Phú Đông, Rau an toàn Gò Công; Thống kê báo cáo của các cơ quan thực thi quyền SHTT; Phối hợp Cục Sở hữu trí tuệ, Văn phòng 2 tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức lớp tập huấn “Thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại địa phương”.

4.5. Về công tác thông tin KH&CN và thống kê KH&CN:

- Phát hành tập san, chuyên đề: 06 số, 5.400 cuốn; Phát hành thông tin phục vụ lãnh đạo: 18 số, 7.200 tập thông tin; Phát hành tờ bướm “Hướng dẫn nhận biết, sử dụng mũ bảo hiểm phù hợp quy chuẩn quốc gia”, 62.000 tờ; bướm hướng dẫn kỹ thuật “Quy trình quản lý tổng hợp bệnh thối rễ, chết cành măng cầu xiêm tại huyện Tân Phú Đông”; Phát hành tờ rơi tuyên truyền ngày KH&CN Việt Nam (550 bản); Trả lời tư vấn KH&CN trên Website của Sở: 23 lượt; Đưa thông tin trên Website của tỉnh, Bộ KH&CN: 28 lượt; trên báo Ấp Bắc 14 lượt; Tạp chí KH&CN 11 lượt; Thường xuyên cập nhật thông tin kịp thời phản ánh các hoạt động chuyên ngành, đến nay có hơn 1.070.000 lượt truy cập và trao đổi thông tin.

- Tổng hợp đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cơ sở: 06 hồ sơ; Phối hợp Cục Thông tin KH&CN Quốc gia cập nhật, bổ sung cơ sở dữ liệu về Nghiên cứu và Phát triển; Điều tra Hội nhập quốc tế và nhận thức công chúng về KH&CN cho 45 đơn vị, cá nhân; Lập kế hoạch triển khai công tác thống kê KH&CN năm 2014; Hoàn thành báo cáo công tác thống kê cơ sở về KH&CN năm 2013 về Cục Thông tin KH&CN Quốc gia, có 50 đơn vị trong tỉnh tham gia báo cáo thống kê.

(Phụ lục 1, Biểu TK5 ; Biểu TK2: CV- 168)

4.6. Công tác thanh tra:

4.6.1. Thanh tra chuyên ngành:

- Thực hiện 06 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành với tổng số đơn vị được thanh tra là 167 cơ sở, trong đó có 25 cơ sở hoạt động về lĩnh vực an toàn bức xạ, 67 cơ sở sản xuất kinh doanh mũ bảo hiểm, 01 cơ sở thực hiện đề tài, 32

cơ sở kinh doanh đối với đồ chơi trẻ em (thanh tra diện rộng chuyên đề), 38 cơ sở kinh doanh xăng dầu, 04 cơ sở kinh doanh hàng điện- điện tử (cuộc thanh tra về hàng điện- điện tử còn đang tiếp tục); Tổng số tổ chức, cá nhân vi phạm: 18 cơ sở; Tổng số Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 18; tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 18.800.000 đồng; có 18/18 cơ sở thực hiện xong quyết định, số tiền là 18.800.000 đồng.

4.6.2. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- Tổng số đơn nhận được trong năm: 01 đơn tố cáo về hành vi xâm phạm quyền về Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu Yên sào Sanest Khánh Hòa. Đoàn Kiểm tra Liên ngành 127 Tiền Giang chủ trì thụ lý giải quyết, Thanh tra Sở phối hợp; Đơn tố cáo đúng.

4.6.3. Công tác phòng, chống tham nhũng:

Tuyên truyền, phổ biến các văn bản về công tác, phòng chống tham nhũng gồm: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng số 27/2012/QH13 ngày 23/11/2012; Nghị định 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; Nghị định 59/2013/NĐ-CP ngày 17/6/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng; Kế hoạch 93/KH-UBND ngày 11/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về thực hiện đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng chống tham nhũng”; Nghị định 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ Quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng:

+ Kết quả xây dựng, ban hành thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn: đã thực hiện việc rà soát và ban hành lại quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó quy định đầy đủ về định mức và tiêu chuẩn cho từng đối tượng.

+ Kết quả cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng: Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị trực thuộc không dùng ngân sách nhà nước để biếu dưới hình thức tiền hoặc quà biếu với bất kỳ mục đích nào; Không có cá nhân nộp lại quà tặng.

+ Kết quả thực hiện công khai, minh bạch hoạt động cơ quan gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính: ban hành mới 07 thủ tục hành chính, niêm yết công khai tại trụ sở.

+ Kết quả kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức: Đang thực hiện việc kê khai năm 2013 theo biểu mẫu quy định tại thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản thu nhập cho các đối tượng thuộc diện kê khai và tiến hành công khai, nộp bảng kê khai các đối tượng theo phân cấp quản lý.

+ Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp: Tiếp tục thực hiện Quy chế văn hóa công sở do Giám đốc Sở ban hành tại Quyết định số 40/QĐ-SKH&CN ngày 07/4/2008 quy định về tác phong, giao tiếp ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức. Giám đốc Sở chỉ đạo Đoàn thanh niên xây dựng

kế hoạch và chủ trì kiểm tra việc thực hiện hàng tháng về Văn hóa công sở và sử dụng hiệu quả thời giờ làm việc năm 2013 tại kế hoạch số 10-KH/ĐTN ngày 21/02/2013 và Giám đốc sở chỉ đạo tại công văn số 88/SKH&CN-VP ngày 19/3/2013 về thực hiện văn hóa công sở và sử dụng hiệu quả thời giờ làm việc.

+ Kết quả thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác: Sở tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch số 116/KH-SKH&CN ngày 02/8/2010, từ năm 2013 đến nay đã luân chuyển vị trí 02 cán bộ lãnh đạo của sở.

+ Kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN. Không có hành vi tham nhũng xảy ra trong thời gian qua.

+ Kết quả tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị: Sở đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành thông qua việc ứng dụng các phần mềm chuyên môn và thư điện tử, trong đó có áp dụng phần mềm quản lý văn thư .

(Phụ lục 1, Biểu TK5: CV- 168)

4.7. Kết quả hoạt động sự nghiệp và khoa học công nghệ cấp huyện:

4.7.1. Kết quả hoạt động sự nghiệp:

- Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ Khoa học và Công nghệ:

Sản xuất và cung ứng cho khách hàng 568 sản phẩm các loại bằng Composite; 08 phay công, 02 cửa công thủy lợi; 14 thùng loa; Lắp đặt 07 máy Ozone, 4 khung lọc Carbon và gia công 01 nồi hơi; Lắp đặt hệ thống dẫn hơi nồi hấp ở Xưởng CNSH; Lắp đặt 14 hệ thống thiết bị xử lý nước thải trong và ngoài tỉnh; Sản xuất 02 bồn Inox cho hệ thống xử lý nước thải; Vận hành các hệ thống xử lý nước thải đã lắp đặt; Sơn gia công 1.123 m²; Lắp đặt 07 trụ bơm xăng dầu; Sửa chữa, bảo trì các trụ bơm xăng dầu đã lắp đặt.

Sản xuất và tiêu thụ 65.327 bịch nấm giống các loại, 1.224.184 bịch phôi nuôi trồng, thực hiện 96 hợp đồng đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

Sản xuất và tiêu thụ 391.114 thùng nước lọc tinh khiết các loại.

Triển khai thực hiện 05 đề tài, dự án cấp tỉnh và cơ sở; Tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ với trường Đại học Cần Thơ dự án: “Áp dụng các giải pháp kỹ thuật quản lý tổng hợp nhằm phát triển vùng xoài cát Hòa Lộc – xã Hòa Hưng – huyện Cái Bè”.

Đạt doanh thu là 17.500 triệu đồng.

- Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ sinh học:

- Kiểm nghiệm 6.019 mẫu với 13.031 chỉ tiêu, gồm: Hóa lý: 4.888 mẫu, 11.729 chỉ tiêu; Vi sinh: 1.129 mẫu, 1.299 chỉ tiêu; Vật liệu xây dựng và cơ học đất: 02 mẫu, 03 chỉ tiêu.

- Thực hiện 96 hợp đồng kiểm tra máy X-quang, kiểm xạ phòng X-quang; 51 hợp đồng cung cấp liều kế; Kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận 99 máy X-quang (trong đó có 07 máy CT-Scanner, 03 máy X-quang tăng sáng truyền hình); Kiểm

xạ 53 phòng X-quang cho các cơ sở y tế ở Đồng Tháp, Kiên Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long, Long An, Sóc Trăng, Hậu Giang, Trà Vinh, Bến Tre; 06 hợp đồng tư vấn GLOBALG.A.P; 03 hợp đồng tư vấn VietGAP.

- Thực hiện 11 chương trình, đề tài, dự án cấp tỉnh và cơ sở.

- Hoạt động sản xuất: Cấy tạo chồi, rễ, cấy chuyền nhân giống 8.410 Cây chuối, cúc, lan, Cây húng chanh, Sản xuất 42,92 tấn phân Bioroot, 985 môi Pheromone; Xuất bán 14,2 tấn phân Bioroot, 985 môi Pheromone.

- Thực hiện ủ phân phục vụ cho việc ra 5.047 cây chuối cấy mô. Đã xuất bán 5.047 cây; 160 cây cúc; 251 cây và 18 chậu Lan các loại.

- Nghiên cứu tìm nguồn nguyên liệu mới để thay thế bột thành phần thảo mộc phối trộn nhằm giảm giá thành sản phẩm phân bón; Hiệu chỉnh quy trình sản xuất nước uống thạch dừa trái cây tại phòng thí nghiệm.

- Tiếp tục theo dõi chỉ tiêu vi sinh theo thời gian bảo quản sản phẩm; Kiểm tra chất lượng sản phẩm để làm hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm và đăng ký kinh doanh; Vận hành và duy trì hệ thống chất lượng theo ISO 17025:2005 và ISO 9001:2008.

- Nghiên cứu quy trình tư vấn áp dụng tiêu chuẩn GAP trên chăn nuôi; Soạn tài liệu GLOBALG.A.P gia cầm; Phương án liên kết sản xuất phân HCVS với Công ty Hà Anh; Biên soạn tài liệu quy trình sản xuất và chuyển giao công nghệ vú sữa đóng hộp cho Doanh nghiệp.

- Biên soạn và hoàn chỉnh toàn bộ hồ sơ HTQLCL; Quy trình tư vấn đánh giá VietGAP; Sổ tay, tài liệu ISO 7457:2004; Tài liệu tập huấn GLOBALG.A.P trên lúa; Hướng dẫn thực tập kiểm mẫu nước thải cho 03 sinh viên trường Đại học Công nghiệp thực phẩm chuyên ngành Hóa môi trường.

Doanh thu: 2.256,151 triệu đồng.

4.7.2. Hoạt động khoa học công nghệ cấp huyện:

Trong năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014 Sở Khoa học và Công nghệ đã phân cấp kinh phí sự nghiệp khoa học về cho các huyện cùng với số dư năm 2012 chuyển sang, các huyện cũng đã tập trung đi sâu vào hoạt động chuyên môn như: tổ chức họp Hội đồng KH-CN cấp huyện xét chọn danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở hàng năm, thẩm định nội dung và kinh phí đề cương chi tiết và nghiệm thu đề tài, dự án đã hết thời hạn. Tham gia các hoạt động KH&CN của Sở triển khai trên địa bàn huyện như: Hội thi sáng tạo kỹ thuật, theo dõi tiến độ thực hiện đề tài, dự án do huyện thực hiện, lập kế hoạch kiểm định định kỳ phương tiện đo và phối hợp với Chi cục TĐC tiến hành kiểm định, tham gia các Đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện việc kiểm tra về đo lường và chất lượng hàng hóa, tuyên truyền, quản lý về chất lượng mũ bảo hiểm, tham gia, phối hợp các ngành triển khai các ứng dụng kỹ thuật tiên bộ vào sản xuất và đời sống, báo cáo thống kê về khoa học và công nghệ, xây dựng quy chế và kiện toàn hoạt động của Hội đồng Khoa học và Công nghệ,...

5. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN:

Kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN được Trung ương phân bổ năm 2013 và 2014 là 33.000 triệu đồng, UBND tỉnh giao 33.000 triệu đồng, trong đó thực hiện dự án “Nâng cao năng lực của Trung tâm Kỹ thuật & Công nghệ sinh học” giai đoạn 1; giai đoạn 2, dự án “Khu thực nghiệm Công nghệ sinh học” và dự án “Nấm ăn và nấm dược liệu” là 7.525 triệu đồng, phần còn lại Sở Kế hoạch và đầu tư tự phân bổ cho các lĩnh vực khác, cho đến thời điểm hiện nay Sở Khoa học và Công nghệ vẫn không được tham gia bố trí kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN theo đúng hướng dẫn của Bộ KH&CN.

Phần kinh phí được bố trí cho ngành KH&CN được sử dụng như sau:

- Trung tâm Kỹ thuật và CNSH: thực hiện Dự án “Nâng cao năng lực của Trung tâm kỹ thuật và Công nghệ Sinh học Tiền Giang” giai đoạn 1 theo Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 08/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, đầu tư xây dựng mới cơ sở vật chất và trang thiết bị với tổng mức vốn đầu tư trên 27 tỉ đồng, Dự án đang đưa vào sử dụng, năm 2014 được giao 2.225 triệu đồng; Năm 2013 và 2014 được tỉnh giao vốn đầu tư phát triển cho KH&CN 100 triệu đồng để thực hiện Dự án “Nâng cao năng lực của Trung tâm kỹ thuật và Công nghệ Sinh học Tiền Giang” giai đoạn 2 và 100 triệu đồng để thực hiện Dự án “khu thực nghiệm công nghệ sinh học” và tiếp tục bố trí vốn đến năm 2015.

- Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ KH&CN: Từ năm 1999 đã thực hiện chế độ hạch toán tự trang trải toàn bộ kinh phí theo Quyết định 1658/QĐ.UB ngày 17/6/1999 của UBND tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình thực hiện, đơn vị có gặp một số vướng mắc, khó khăn nên đã có tờ trình số 39/TrTNCUĐ&DVKH&CN ngày 18/7/2007 về việc bổ sung kinh phí đầu tư trang thiết bị và kinh phí đào tạo hàng năm nhằm nâng cao năng lực KH&CN. Đồng thời, Trung tâm đã lập dự án “Nâng cao tiềm lực Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng & dịch vụ KH&CN nhằm chuyển đổi thành Doanh nghiệp KH&CN vào những năm sau theo lộ trình đổi mới tổ chức và hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập theo Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 của Chính Phủ” gửi Bộ KH&CN, UBND tỉnh Tiền Giang, Sở KH&ĐT, Sở Nội Vụ, Sở Tài Chính nhằm tạo điều kiện giúp hỗ trợ vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Năm 2013 và 2014 được tỉnh giao vốn đầu tư phát triển cho KH&CN 100 triệu đồng để thực hiện Dự án “Phát triển nấm ăn và nấm dược liệu” và bố trí vốn đến năm 2016.

6. Đánh giá tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách chi cho hoạt động KH&CN năm 2013, 6 tháng đầu năm và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2014:

- Kinh phí chi cho hoạt động KH&CN được trung ương phân bổ năm 2013 là 25.058 triệu đồng, tỉnh giao 19.770,712 triệu đồng (trừ 20% tiết kiệm ngân sách giữ lại) đã sử dụng là 19.374,6 triệu đồng đạt 98% kế hoạch.

- Năm 2014, trung ương phân bổ là 25.089 triệu đồng, tỉnh giao 25.090 triệu đồng đã sử dụng 06 tháng đầu năm là 12.720,4 triệu đồng đạt 50,699% kế hoạch; Ước thực hiện 6 tháng cuối năm đạt 97% hoạch.

7. Đánh giá hoạt động của Quỹ Phát triển KH&CN:

- Mặc dù thời gian qua hoạt động chưa nhiều, việc triển khai áp dụng mô hình Quỹ phát triển KH&CN còn khá mới mẻ, nhưng tính đến nay tổng số dự án được Quỹ cho vay là 14 dự án với tổng kinh phí là 15.650 triệu đồng, lợi nhuận của Quỹ hơn 700 triệu đồng, tăng thêm vốn của Quỹ hơn 500 triệu đồng sau khi trừ chi phí hoạt động và bộ máy. Có 3 đơn vị tạo ra sản phẩm mới và được thương mại hóa.

- Bên cạnh hình thức đầu tư cho KH&CN theo phương thức cấp ngân sách thực hiện nhiệm vụ KH&CN hàng năm, với mô hình Quỹ phát triển KH&CN do cơ quan nhà nước tổ chức triển khai đã mở ra một phương thức hỗ trợ, đầu tư mới, tạo cơ hội cho các nhà khoa học theo đuổi các công trình nghiên cứu và nhà doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ đáp ứng với yêu cầu sản xuất kinh doanh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; Góp phần nâng cao trình độ công nghệ cho các doanh nghiệp tại địa phương; Giúp các doanh nghiệp mở rộng sản xuất, phát triển các sản phẩm mới, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh, mở rộng ra các tỉnh lân cận và xuất khẩu tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động, với mức thu nhập bình quân/tháng ngày càng tăng, đồng thời tăng thêm phần đóng góp thuế vào ngân sách của tỉnh

- Việc hình thành Quỹ phát triển KH&CN tại địa phương thời gian qua cũng đánh dấu sự năng động của lãnh đạo Sở KH&CN và sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh đối với lĩnh vực KH&CN.

III. Đánh giá chung:

- Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các ngành và địa phương tập trung đưa khoa học và công nghệ góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh:

+ Trong nông nghiệp, hoạt động sản xuất phong phú, đa dạng, chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi tiếp tục chuyển dịch theo hướng chất lượng, hiệu quả. Tiềm năng nông nghiệp được khai thác tốt hơn, việc thâm canh, ứng dụng giống mới cải tạo vườn tạp, phục tráng giống và trồng xen, nuôi xen trong kinh tế vườn được đẩy mạnh, việc nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển. Kết quả cũng đã tạo ra nhiều quy trình, giải pháp, mô hình về khoa học công nghệ như là quy trình trồng rau, lúa gạo, trái cây hữu cơ an toàn. Nhiều quy trình, mô hình được phổ biến và áp dụng vào đời sống sản xuất, tạo bước đột phá dẫn đường cho các dự án phát triển kinh tế- xã hội tiếp theo.

+ Trong công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp được chú trọng đầu tư đổi mới trang thiết bị hiện có, đầu tư công nghệ tiên tiến, cải tiến mẫu mã, tăng số lượng, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ quảng bá thương hiệu cũng như áp dụng các hệ thống chất lượng quốc tế, tham gia Giải thưởng chất lượng Việt Nam của các doanh nghiệp được tỉnh quan tâm, do đó tạo được kết quả đáng kể trong việc hội nhập thị trường trong và ngoài nước.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác TCĐLCL, từ năm 2013 đến nay Chi cục TCĐLCL đã làm tốt công tác tham mưu giúp Sở KH&CN

trình UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản triển khai áp dụng các quy định pháp luật như: xây dựng và áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan HCNN, hướng dẫn các doanh nghiệp tham gia GTCLQG và hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng HTQLCL tiên tiến, giải pháp hữu ích, công cụ cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; hàng năm tổ chức thực hiện kiểm định PTĐ trong phạm vi được chỉ định cơ bản đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, với việc tổ chức triển khai đề án tại địa phương về hoạt động TBT trong những năm gần đây còn yếu, chưa thu hút được sự quan tâm của các tổ chức, cá nhân trong việc đề xuất các nhiệm vụ khoa học tham gia các dự án có liên quan; chưa có sự phối hợp của các doanh nghiệp với cơ quan nhà nước trong tìm hiểu, phản ứng, đối phó với các rào cản kỹ thuật; chưa đưa hoạt động TBT vào phục vụ tích cực cho hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp tỉnh.

- Công tác thanh tra:

+ Thanh tra về lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm hàng hóa: Tạo được sự chuyển biến tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trên địa bàn tỉnh như việc ghi nhãn sản phẩm hàng hóa, việc định lượng hàng bao gói sẵn, việc công bố hợp chuẩn, hợp quy theo quy định, việc kiểm định phương tiện đo... Bên cạnh đó, qua công tác thanh tra đã phát hiện và xử lý vi phạm nhiều trường hợp kinh doanh (bán lẻ) sản phẩm hàng hóa không nhãn hoặc không có nhãn phụ bằng tiếng Việt Nam theo quy định, các sản phẩm hàng hóa vi phạm có giá trị nhỏ như: đồ chơi trẻ em, thiết bị điện,... các sản phẩm hàng hóa có xuất xứ chủ yếu từ Trung Quốc được nhập khẩu, phân phối từ các cơ sở kinh doanh tại thành phố Hồ Chí Minh (chợ Kim Biên, Chợ Lớn). Việc xử lý vi phạm chỉ mang tính cảnh cáo nhắc nhở và phạt tiền theo giá trị hàng hóa nên không đủ sức răn đe.

+ Thanh tra về lĩnh vực năng lượng nguyên tử: Các cơ sở sử dụng thiết bị bức xạ đã nhận thực được tầm quan trọng trong việc quản lý sử dụng thiết bị bức xạ của mình (chủ yếu là máy x-quang trong y tế).

+ Thanh tra về lĩnh vực hoạt động khoa học công nghệ: Trong thời gian qua công tác thanh tra về lĩnh vực hoạt động khoa học công nghệ (thanh tra đề tài - dự án) chưa được triển khai nhiều (thanh tra 01 đề tài), qua thanh tra không phát hiện sai phạm trong việc triển khai thực hiện và sử dụng ngân sách.

- Hoạt động thông tin KH&CN đã có nhiều chuyển biến tích cực, thông tin kịp thời phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về KH&CN, các hoạt động KH&CN ở địa phương, đẩy mạnh tuyên truyền ứng dụng và chuyển giao các thành tựu, kết quả nghiên cứu khoa học vào đời sống, sản xuất của người dân; Thông tin KH&CN tỉnh được chuyển tải thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo, đài của trung ương và địa phương, các ấn phẩm xuất bản định kỳ, các chuyên đề, trên các website của Tạp chí hoạt động KH&CN (Bộ KH&CN), tỉnh, Sở và được trích đăng trên nhiều trang web khác.

- Công tác hướng dẫn và hỗ trợ xác lập quyền SHTT: hoàn thành hồ trợ đăng ký 02 nhãn hiệu tập thể: Yên sào Gò Công, Mãng cầu xiêm Tân Phú Đông, Rau an toàn Gò Công đã đăng bạ quốc gia.

- Triển khai dự án quản lý phát triển tài sản sở hữu trí tuệ đã phát huy hiệu quả với:

+ Hệ thống tài liệu tuyên truyền pháp luật về sở hữu trí tuệ đã được xây dựng, đáp ứng mục tiêu nâng cao nhận thức cho tổ chức tập thể, thành viên, cộng đồng hiểu biết pháp luật về sở hữu trí tuệ và sử dụng đối tượng nhãn hiệu tập thể cho đặc sản nông nghiệp của tỉnh Tiền Giang.

+ Hệ thống phát triển thương mại, quảng bá truyền thông đã nêu rõ thế mạnh của đặc sản trái cây tỉnh Tiền Giang với bộ thiết kế hệ thống nhận dạng nhãn hiệu đáp ứng yêu cầu phát triển thương mại, quảng bá truyền thông các nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm trái cây trên thị trường nội địa và xuất khẩu, được tổ chức vận hành cụ thể tại các Hợp tác xã và đã được thông tin rộng rãi trên các kênh truyền thông đại chúng đạt hiệu quả cao trong kinh doanh

- Thẩm định công nghệ và cấp phép ATBX: Thực hiện đúng thời gian và đúng thủ tục, đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, góp phần tích cực trong công tác quản lý nâng cao trách nhiệm của cộng đồng.

- Công tác thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư đã có nhiều cố gắng, đã ngăn chặn được việc đầu tư chuyển các công nghệ lạc hậu nhập tỉnh, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

IV. ƯỚC THỰC HIỆN CÔNG VIỆC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2014:

1. Công tác Quản lý đề tài dự án và hoạt động của Hội đồng KH&CN:

- Tập hợp danh mục đăng ký chương trình, đề tài, dự án dự kiến triển khai trong kế hoạch 2015 và chuẩn bị thủ tục trình hội đồng KH&CN tỉnh; Lập báo cáo hoạt động của Hội đồng KH&CN năm 2013, 6 tháng đầu năm 2014, định hướng hoạt động năm 2015.

- Lập công văn nhắc nhở đơn vị chủ trì chưa nộp báo cáo đề tài trễ hạn, đến hạn nghiệm thu kết thúc; Hoàn tất việc nghiệm thu giai đoạn các đề tài đang thực hiện; Tổ chức nghiệm thu kết thúc đề tài, dự án đến thời hạn kết thúc.

2. Quản lý công nghệ - Thông tin - Sở hữu trí tuệ - An toàn bức xạ:

- Hoạt động Sở hữu trí tuệ - An toàn bức xạ:

+ Triển khai dự án Quản lý và phát triển NHTT Chợ Gạo cho sản phẩm trái thanh long; Hướng dẫn pháp lý hồ sơ xác lập, bảo vệ quyền SHCN theo yêu cầu.

+ Thẩm định cấp giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế theo yêu cầu; Lập kế hoạch xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin môi trường phóng xạ tỉnh Tiền Giang.

- **Hoạt động Thông tin:** Phát hành thông tin phục vụ lãnh đạo tháng 06-12/2014; Phát hành các Tập san 2014; Trả lời thông tin KH&CN theo yêu cầu; Tiếp tục công tác đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cơ sở năm 2014.

- **Hoạt động Thẩm định công nghệ:** Tham gia thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư theo yêu cầu; Thẩm định thiết bị công nghệ theo yêu cầu.

3. Công tác TC-ĐL-CL:

- Công tác Quản lý tiêu chuẩn chất lượng:

+ Hướng dẫn các cơ quan HCNN triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008; Dự kiến tổ chức Hội nghị tổng kết tình hình xây dựng và áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của các cơ quan HCNN theo quy định tại Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg, Quyết định số 118/2009/QĐ-TTg ngày 30/9/2009 và kế hoạch triển khai Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ khi có chỉ đạo của Trung ương và tỉnh.

+ Tiếp tục triển khai Dự án NCNSCL sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Tiền Giang đến năm 2020: tổ chức Hội nghị triển khai dự án, ban hành quy chế hoạt động ban điều hành, quy định chi hoạt động cho ban điều hành, tập huấn,...

+ Thực hiện việc kiểm tra tình hình áp dụng HTQLCL trong các cơ quan HCNN tỉnh, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ KH&CN.

- Công tác quản lý đo lường:

Thực hiện kiểm định ban đầu, định kỳ các phương tiện đo của ngành điện và cơ sở kinh doanh dụng cụ nước; Phối hợp phòng kinh tế hạ tầng huyện, phòng Kinh tế TP.Mỹ Tho, Thị xã Gò Công, Thị xã Cai Lậy tổ chức kiểm định định kỳ cân thông dụng trên địa bàn huyện; Triển khai kiểm định các phương tiện đo lĩnh vực y tế (điện tim, huyết áp kế); Kiểm định hợp đồng theo yêu cầu của các công ty, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh. Tổng số: 25.300 PTĐ các loại.

- Công tác phối hợp thanh kiểm tra:

+ Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường theo kế hoạch; Kiểm tra nhà nước về đo lường việc thực hiện quy định pháp luật về đo lường trong sử dụng phương tiện đo, phép đo của cơ sở kinh doanh: xăng, dầu, vàng bạc, công tơ điện, đồng hồ nước lạnh, cơ sở y tế, taxi,...

+ Tham gia phối hợp các ngành chức năng thanh kiểm tra về đo lường định lượng của hàng đóng gói sẵn các cơ sở sản xuất, kinh doanh: khí hóa lỏng, vật tư nông nghiệp, đại lý bách hoá,....

- **Văn phòng TBT:** Tiếp tục biên soạn và phát hành bản tin TBT hàng tháng đúng thời gian quy định; Cập nhật thông tin trên website, thực hiện thông báo-hỏi đáp theo quy định.

4. Công tác thanh tra:

- **Công tác thanh tra:** Thực hiện 01 cuộc thanh tra chuyên ngành về đo lường chất lượng sản phẩm hàng hóa xăng dầu và 01 cuộc thanh tra hàng đóng

gói sẵn; Thực hiện 01 cuộc Thanh tra việc mua sắm, quản lý tài sản thiết bị và 01 cuộc Thanh tra trách nhiệm thủ trưởng tại 02 đơn vị trực thuộc Sở; Thực hiện 01 cuộc Thanh tra chuyên đề theo chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ về phương tiện đo nhóm 2 và an toàn bức xạ đối với các cơ sở sử dụng thiết bị X-quang y tế.

- **Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:** Nâng cao công tác tiếp dân, gần tiếp công dân với giải quyết khiếu nại, tố cáo; Giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định không để tồn đọng.

- **Công tác phòng, chống tham nhũng:** Tuyên truyền phổ biến các văn bản, quy định của pháp luật về công tác phòng, chống tham nhũng; Thực hiện các biện pháp phòng ngừa theo Luật phòng chống tham nhũng; Tổ chức Thanh tra 01 đơn vị trực thuộc Sở.

- **Công tác xây dựng ngành:** Tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 1860/2007/QĐ-TTCP-TCCB ngày 06/9/2007 của Thanh tra Chính phủ về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ thanh tra; Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát trong nội bộ không để xảy ra các vấn đề tiêu cực, vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi nhiệm vụ; Cử cán bộ tham dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, chính trị do địa phương và trung ương tổ chức.

5. Hoạt động Dịch vụ KHCN:

- Hoạt động của Trung tâm nghiên cứu ứng dụng:

Đẩy mạnh hoạt động Xưởng Cơ khí-Vật liệu mới; nghiệm thu các hệ thống thiết bị xử lý nước thải đã lắp đặt; triển khai các hệ thống xử lý nước thải đã ký hợp đồng; Ổn định quy trình sản xuất meo giống và bịch phôi ở Xưởng Công nghệ Sinh hóa và tiếp tục thực hiện các đề tài, dự án chuyển tiếp sang năm 2013; Phát triển sản xuất và cung ứng nước uống đóng chai Sông Tiền và bột xử lý nước PPAC ở Xưởng Công nghệ Thực phẩm; Tăng cường hoạt động của tổ tư vấn và dịch vụ KHCN-MT gắn liền với liên với hoạt động nghiên cứu, thiết kế, sản xuất và cung ứng các hệ thống thiết bị xử lý môi trường.

- Hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học:

+ Tiếp tục thực hiện lấy mẫu, kiểm mẫu và kiểm tra máy X-quang khi có yêu cầu; Triển khai phân tích các chỉ tiêu vi sinh Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae trong mẫu nước thải y tế; Salmonella trong mẫu rau, quả; Pseudomonas aeruginosa, liên phân cầu, bào tử vi khuẩn kỵ khí khử Sulfit; Thực hiện thử nghiệm thành thạo liên phòng.

+ Tiếp tục cấy chuyên lan, cúc, chuối; Chăm sóc lan cây mô ngoài vườn ươm.

+ Lập kế hoạch và trộn ủ phân Bioroot cho yêu cầu đặt hàng của khách hàng; Thực hiện phân lập một số vi sinh vật có ích phân giải cellulose cho việc phát triển 01 chế phẩm vi sinh vật để phân giải xác bã thực vật.

+ Tiếp tục tư vấn hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GLOBALG.A.P, VietGAP tại các tỉnh Bến Tre, Long An, Đồng Nai; Tiếp tục vận hành và duy trì hệ thống chất lượng theo ISO 17025, ISO 9001:2008.

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2015

I. Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở:

- Xác định danh mục chương trình, đề tài, dự án hàng năm dựa trên tính cấp thiết, tính khoa học, khả thi và có địa chỉ ứng dụng phù hợp với quy hoạch phát triển KT-XH của tỉnh.

- Tạo điều kiện và tăng cường hỗ trợ để nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động Hội đồng KH&CN. Tổ chức tọa đàm về phương thức, cơ chế,... hoạt động hội đồng. Tăng cường các hoạt động của hội đồng để đóng góp nâng cao hiệu quả của hoạt động khoa học và công nghệ nhằm khắc phục các mặt chưa được trong việc xác định nhiệm vụ KH&CN.

- Hàng năm, Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh lọc các chương trình, đề tài, dự án đáp ứng những định hướng đã đề ra. Tập trung kinh phí cho các đề tài nghiên cứu ứng dụng, phục vụ thiết thực cho sản xuất, đời sống, và công tác quản lý chuyên ngành, hạn chế các đề tài thuộc dạng biên hội, tổng kết.

- Tạo điều kiện và phát huy khả năng nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của lực lượng nghiên cứu khoa học ở địa phương thông qua các đề tài liên quan những lĩnh vực trọng tâm: Công nghệ sinh học, Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Công nghệ thông tin, phát triển công nghệ chế biến, dịch vụ du lịch, giáo dục nghề, y tế cộng đồng, xây dựng nông thôn mới,...

- Tăng cường mối liên kết giữa các Hội đồng Khoa học & Công nghệ tỉnh, ngành, cơ sở. Tạo điều kiện thuận lợi, và có biện pháp hỗ trợ cho các Hội đồng KH&CN cấp huyện.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ KH&CN; Có cơ chế theo dõi ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

- Triển khai 01 chương trình, 08 đề tài cấp tỉnh sử dụng nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2015.

(Kèm danh mục nhiệm vụ KH&CN năm 2015, đã trình UBND tỉnh phê duyệt vào ngày 06/6/2013).

II. Kế hoạch thực hiện các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp:

III. Kế hoạch thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN:

- Trình phê duyệt đề án kiện toàn bộ máy tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Chi cục TCĐLCL theo Thông tư liên tịch số 14/2009/TT-BKHCN-BNV ngày 28/5/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhằm thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Quyết định số: 317/QĐ-TTg ngày

15 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án nâng cao năng lực của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Dự toán tổng kinh phí thực hiện là 50.000 triệu đồng.

- Xây dựng dự án mở rộng Xưởng Cơ khí – Vật liệu mới, đầu tư thêm trang thiết bị phục vụ sản xuất cơ khí, các sản phẩm cơ khí và sản phẩm Composite.

- Xây dựng dự án cải tạo nhà xưởng và nâng cấp trang thiết bị Xưởng sản xuất nước uống đóng chai Sông Tiền từ 2m³/h lên 4m³/h đạt tiêu chuẩn HACCP.

- Xây dựng dự án thành lập Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Năm Tiền Giang qui mô 1 – 2 ha.

- Xây dựng và trình phê duyệt lộ trình chuyển sang doanh nghiệp KH&CN theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 96/2010/NĐ-CP. Năm 2014 xây dựng dự án chuyển 1 bộ phận của Trung tâm thành doanh nghiệp KH&CN.

- Thực hiện dự án Nâng cao năng lực Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ sinh học (giai đoạn 2).

IV. Kế hoạch thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN:

a) Quản lý công nghệ - Thông tin KH&CN- SHTT-ATBX:

- Hoạt động Sở hữu trí tuệ - ATBX:

+ Tổ chức hoạt động quản lý và hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp các lập quyền theo kế hoạch xác lập quyền các đối tượng SHTT cho các cơ sở, doanh nghiệp giai đoạn 2011-2015; Hướng dẫn, hỗ trợ cơ sở, doanh nghiệp xác lập, bảo vệ quyền SHCN theo yêu cầu: 50 NHHH, KDCN; 02 NHTT, NHCN; Triển khai 01 dự án Quản lý và phát triển Nhãn hiệu tập thể sàu riêng Ngũ Hiệp,...

+ Thẩm định cấp giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế theo yêu cầu: 10 cấp mới; 05 gia hạn; Triển khai kế hoạch điều tra phòng phóng xạ năm 2015; Xây dựng phương án ứng phó sự cố bức xạ cấp tỉnh.

- Hoạt động Quản lý công nghệ - Thông tin KH&CN:

+ Thẩm định thiết bị công nghệ, tư vấn đấu thầu theo yêu cầu; Tham gia thẩm tra công nghệ, chứng nhận hợp đồng chuyển giao công nghệ các dự án đầu tư theo yêu cầu.

+ Phát hành thường kỳ 04 tập san, 12 số thông tin phục vụ lãnh đạo và các tập san chuyên đề, tờ rơi tuyên truyền theo yêu cầu; Trả lời thông tin KH&CN theo yêu cầu; Bổ sung hoàn chỉnh thủ tục đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cơ sở; Triển khai kế hoạch xây dựng Điểm giao dịch công nghệ Tiền Giang; Triển khai kế hoạch Thống kê KH&CN theo hoạt động chức năng phòng mới thành lập.

b) Tiêu chuẩn - Đo lường - chất lượng, TBT:

- Quản lý chất lượng: Tiếp tục triển khai Dự án Nâng cao NSCL sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, gồm các

nội dung: Hướng dẫn các cơ sở sản xuất xây dựng tiêu chuẩn cơ sở; công bố hợp chuẩn và công bố hợp quy theo yêu cầu của doanh nghiệp; Tổ chức vận động lựa chọn các doanh nghiệp; tiến hành hướng dẫn và hỗ trợ cho 03 doanh nghiệp xây dựng, áp dụng các HTQLCL tiên tiến, công cụ cải tiến NSCL; Vận động, hỗ trợ và hướng dẫn 02 doanh nghiệp tham dự GTCLQG năm 2015;

- Triển khai thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN.

- Quản lý đo lường: Kiểm định: 33.000 lượt PTĐ; Liên kết chuẩn đo lường về khối lượng, dung tích, điện, áp suất, độ dài phục vụ kiểm định PTĐ.

- Hoạt động TBT: Tiếp tục biên soạn và phát hành Bản tin TBT theo định kỳ; Xây dựng trang tin điện tử (website) của Chi cục TCĐLCL; thu thập thông tin và cập nhật dữ liệu trên website; Thực hiện nhiệm vụ thông báo - hỏi đáp theo quy định; Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tìm kiếm thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp và các văn bản quy phạm pháp luật trong và ngoài nước.

c) Thanh tra KH&CN:

- Thanh tra chuyên ngành: 05 cuộc với tổng số 146 cơ sở, gồm: Thanh tra về An toàn và kiểm soát bức xạ hạt nhân: 20 cơ sở; Thanh tra đo lường chất lượng sản phẩm hàng hóa xăng dầu: 50 cơ sở; Thanh tra về SHTT, đo lường, chất lượng đối với hàng đóng gói sẵn (các mặt hàng: gas, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, phân bón, thức ăn chăn nuôi...): 35 cơ sở; Thanh tra về đo lường đối với các cơ sở sử dụng phương tiện đo: 40 cơ sở; Thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ: 01 đề tài.

- Thanh tra hành chính: 01 cuộc, thanh tra việc mua sắm, quản lý tài sản thiết bị tại 01 đơn vị trực thuộc Sở.

- Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Nâng cao công tác tiếp dân, gắn tiếp công dân với giải quyết khiếu nại, tố cáo; Giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định, không để tồn đọng.

- Công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng: Tuyên truyền phổ biến các văn bản, quy định của pháp luật về Công tác phòng, chống tham nhũng; Thanh tra việc thực hiện quy định của pháp luật về công tác phòng chống tham nhũng tại 01 đơn vị trực thuộc Sở.

- Công tác xây dựng lực lượng: Thực hiện tốt Quyết định 1860/2007/QĐ-TTCT-TCCB ngày 09/6/2007 của Thanh tra Chính phủ về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ thanh tra; Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát trong nội bộ không để xảy ra các vấn đề tiêu cực, vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi nhiệm vụ; Cử cán bộ tham dự các lớp bồi dưỡng Nghiệp vụ, Chính trị do Địa phương và Trung ương tổ chức.

2.2.3. Hoạt động sự nghiệp:

- Hoạt động của Trung tâm nghiên cứu ứng dụng:

+ Thực hiện các nội dung theo Quyết định 317/QĐ-TTg: Xây dựng dự án mở rộng Xưởng Cơ khí – Vật liệu mới, đầu tư thêm trang thiết bị phục vụ sản xuất cơ khí, các sản phẩm cơ khí và sản phẩm Composite; Xây dựng dự án cải tạo nhà xưởng và nâng cấp trang thiết bị Xưởng sản xuất nước uống đóng chai Sông Tiền từ 2m³/h lên 4m³/h đạt tiêu chuẩn HACCP; Xây dựng dự án thành lập Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Năm Tiền Giang qui mô 1 – 2 ha.

+ Thực hiện các nhiệm vụ các nhiệm vụ KH&CN: Thực hiện 12 Chương trình, đề tài, dự án chuyên tiếp và năm 2015.

+ Hoạt động SXKD và dịch vụ KH&CN:

Xây dựng và trình phê duyệt lộ trình chuyển sang doanh nghiệp KH&CN theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 96/2010/NĐ-CP. Năm 2014 xây dựng dự án chuyển 1 bộ phận của Trung tâm thành doanh nghiệp KH&CN.

Cải tiến mẫu mã, đa dạng hóa chủng loại các mặt hàng Composite phục vụ cho nhu cầu sản xuất và đời sống trong và ngoài tỉnh. Đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm và tiết kiệm trong sản xuất; Lắp đặt trụ bơm xăng dầu, hệ thống đường ống, sửa chữa và bảo trì theo hợp đồng và yêu cầu của doanh nghiệp; Đẩy mạnh công nghệ sơn tĩnh điện nhằm mở rộng các sản phẩm cơ khí; Đẩy mạnh dịch vụ xử lý môi trường nhất là xử lý nước thải, nghiên cứu tạo ra mô hình xử lý nước thải riêng của đơn vị; Nghiên cứu mở mang gia công cơ khí và các thiết bị công nghệ phục vụ đời sống xã hội.

Ổn định chất lượng nước uống Sông Tiền và mở rộng dịch vụ bán hàng. Đồng thời, tích cực tìm kiếm khách hàng, ổn định đầu ra và giá thành sản phẩm.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu sản xuất và mở rộng hệ thống phân phối tiêu thụ các loại giống nấm; Nhân rộng mô hình trồng nấm cho nông dân trong và ngoài tỉnh; Ổn định chất lượng giống nấm, phôi nuôi trồng và men tiêu hóa; Tăng cường quảng cáo tiêu thụ các sản phẩm nấm và các loại giống nấm.

Đạt doanh thu trong năm 2015: 15 tỷ đồng.

- Hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ Sinh học:

+ Tiếp tục thực hiện lấy mẫu, phân tích mẫu, dịch vụ ATBX theo yêu cầu của khách hàng, mở rộng các chỉ tiêu phân tích; Triển khai một số chỉ tiêu phân tích ở lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản; Xử lý nước thải áp dụng phương pháp sinh học; đáp ứng được ngày càng nhiều yêu cầu của khách hàng;

+ Tiếp tục tư vấn hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn VietGAP/GLOBALG.A.P cho các đơn vị trong và ngoài tỉnh, ký thêm 01 – 02 hợp đồng tư vấn mới; đẩy mạnh hoạt động đánh giá VietGAP; Mở rộng chức năng đào tạo Hệ thống quản lý chất lượng, Thực hành nông nghiệp tốt, Nông nghiệp công nghệ cao; Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và ISO 17025.

- Thực hiện các mô hình ứng dụng CNSH trong Nông nghiệp; Sản xuất các loại cây cấy mô đưa ra thị trường. Đặc biệt là các sản phẩm đã được đặt hàng như húng chanh, chuối già cui, hoa cúc, hoa lan,...

- Sản xuất số lượng lớn sản phẩm Bioroot, phân HCVS và nấm xanh đưa ra thị trường; Nghiên cứu, ứng dụng có hiệu quả việc liên kết sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ vỏ trái cacao với Công ty phân bón Anh Việt.

- Nghiên cứu, ứng dụng có hiệu quả dây chuyền xử lý rau an toàn từ đề tài bảo quản rau của chương trình sản xuất thử nghiệm “Ứng dụng công nghệ cao để sản xuất một số loại rau, hoa theo hướng nông nghiệp đô thị”; Nghiên cứu công nghệ xử lý nước thải, công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

- Ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất, đời sống: Tiếp tục chủ trì thực hiện Chương trình sản xuất thử nghiệm “Ứng dụng công nghệ cao để sản xuất một số loại rau, hoa theo hướng nông nghiệp đô thị”: Ứng dụng Công nghệ sinh học, các kỹ thuật, công nghệ tiên tiến của thế giới trong lĩnh vực nông nghiệp tạo ra một số sản phẩm đặc trưng phù hợp với sản xuất nông nghiệp đô thị Tiền Giang; ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn giống, trồng, chăm sóc, phòng trừ dịch hại; ứng dụng các mô hình công nghệ cao quy mô hộ gia đình để tạo không gian xanh giữa lòng đô thị; ứng dụng các mô hình công nghệ cao cho các cơ sở sản xuất để nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế, tạo sản phẩm an toàn; xây dựng các mô hình công nghệ cao phù hợp với nông nghiệp đô thị để phục vụ công tác chuyển giao công nghệ, giảng dạy, tham quan, học tập; chương trình đang triển khai thực hiện.

Đạt doanh thu trong năm 2015: 3,8 tỷ đồng.

V. Xây dựng kế hoạch chi cho hoạt động thường xuyên:

Kế hoạch chi cho hoạt động thường xuyên (lương và hoạt động bộ máy) của Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ sinh học thuộc Sở KH&CN được dự kiến là 1.300 triệu đồng (theo Quyết định số 1963/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 30/10/2013 về việc cấp kinh phí hoạt động thường xuyên năm 2014 cho các tổ chức KH&CN công lập thực hiện Nghị định số 96/NĐ-CP ngày 20/9/2010 của Chính phủ.

VI. Dự toán chi ngân sách KH&CN năm 2015:

- Kinh phí sự nghiệp khoa học: **30.363,06 triệu đồng, (Biểu -12-KH-TC-2015).**

- Kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN: **31.500 triệu đồng**

(Kèm các Biểu mẫu theo quy định của Bộ KH&CN, theo CV- 168, CV-1964).

VII. Đề xuất, kiến nghị:

- Bộ KH&CN cần xây dựng kênh thông tin KH&CN và chia sẻ cơ sở dữ liệu về công nghệ từ trung ương đến địa phương: Nên có một hệ thống kết nối thông tin giữa các Viện nghiên cứu, Trường đại học, các Trung tâm để các Trung tâm có thể tìm hiểu, nghiên cứu, hợp tác, kế thừa ứng dụng các kết quả

nghiên cứu khoa học công nghệ của Viện, Trường vào thực tế sản xuất tại địa phương, tránh lãng phí trong đầu tư, nghiên cứu khoa học.

- Bộ KH&CN cần có kế hoạch hỗ trợ thường xuyên hàng năm cho các Trung tâm về nguồn vốn lưu động ban đầu, đầu tư trang thiết bị phục vụ cho yêu cầu mở rộng chức năng, nhiệm vụ mới.

- Bộ KH&CN đề nghị với Bộ Tài Chính sớm ban hành chính sách miễn thuế thu nhập đối với các tổ chức KH&CN công lập.

- Nhà nước cần có nhiều chính sách hỗ trợ toàn diện hơn nữa cho lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó quan tâm đặc biệt đến các điều kiện cơ sở vật chất, hình thành, phát triển các HTX nông nghiệp để làm cơ sở hình thành, phát triển sản xuất, tiêu thụ nông sản theo hướng sản xuất đạt tiêu chuẩn GAP.

- Biện pháp thực hiện việc quản lý công nghệ đối với các doanh nghiệp./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN;
- Văn phòng;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Dương Văn Bon